Năm tài chính 2026 (Reiwa 8) Tiền trợ cấp học bổng cho học sinh THPT tỉnh Kanagawa
(Bản chi tiết: hệ toàn thời gian, bán thời gian, từ xa)

Ủy ban Giáo dục tỉnh Kanagawa, Cục Giáo dục

Ban Hành chính, Phòng Tài chính, Nhóm Học bổng THPT

(Tháng 8/2026)

1　Tiền trợ cấp học bổng là gì?

○ Chương trình này hỗ trợ các hộ thu nhập thấp và trung bình có học sinh THPT, để tất cả học sinh THPT (hoặc tương đương) có ý chí học tập đều có thể yên tâm đi học.

○Đây là **tiền trợ cấp** hỗ trợ các chi phí học tập (※) không kể học phí

○**Quý vị không phải hoàn trả**.

※Chi phí học tập không kể học phí, bao gồm tiền sách giáo khoa, tài liệu học tập, đồ dùng học tập, đồ dùng đi học, hoạt động ngoại khóa, phí hội học sinh, phí hội phụ huynh (PTA), đồ dùng khi nhập học, chi phí cho chuyến tham quan học tập, phí điện thoại, Internet v.v..

2　Đối tượng được nhận trợ cấp

○Phải đáp ứng **tất cả** (1) ~ (3) dưới đây.

(1) Tính ở thời điểm ngày 1/7/2026 (Reiwa 8), phụ huynh hoặc người giám hộ đang sống tại tỉnh Kanagawa.

(2) Tính ở thời điểm ngày 1/7/2026, hộ gia đình thuộc một trong các loại sau:

・**Hộ nhận trợ cấp đời sống** (hộ nhận hỗ trợ sinh kế)

・**Hộ miễn thuế cư trú** (thuế cư trú theo thu nhập của phụ huynh, người giám hộ là 0 Yên)

・**Hộ có thu nhập năm khoảng 2.7–3.8 triệu Yên** (thuế cư trú theo thu nhập của phụ huynh: từ 100 Yên đến dưới 105,500 Yên)

・**Hộ có thu nhập năm khoảng 3.8–4.9 triệu Yên** (thuế cư trú theo thu nhập: từ 105,500 Yên đến dưới 182,500 Yên)

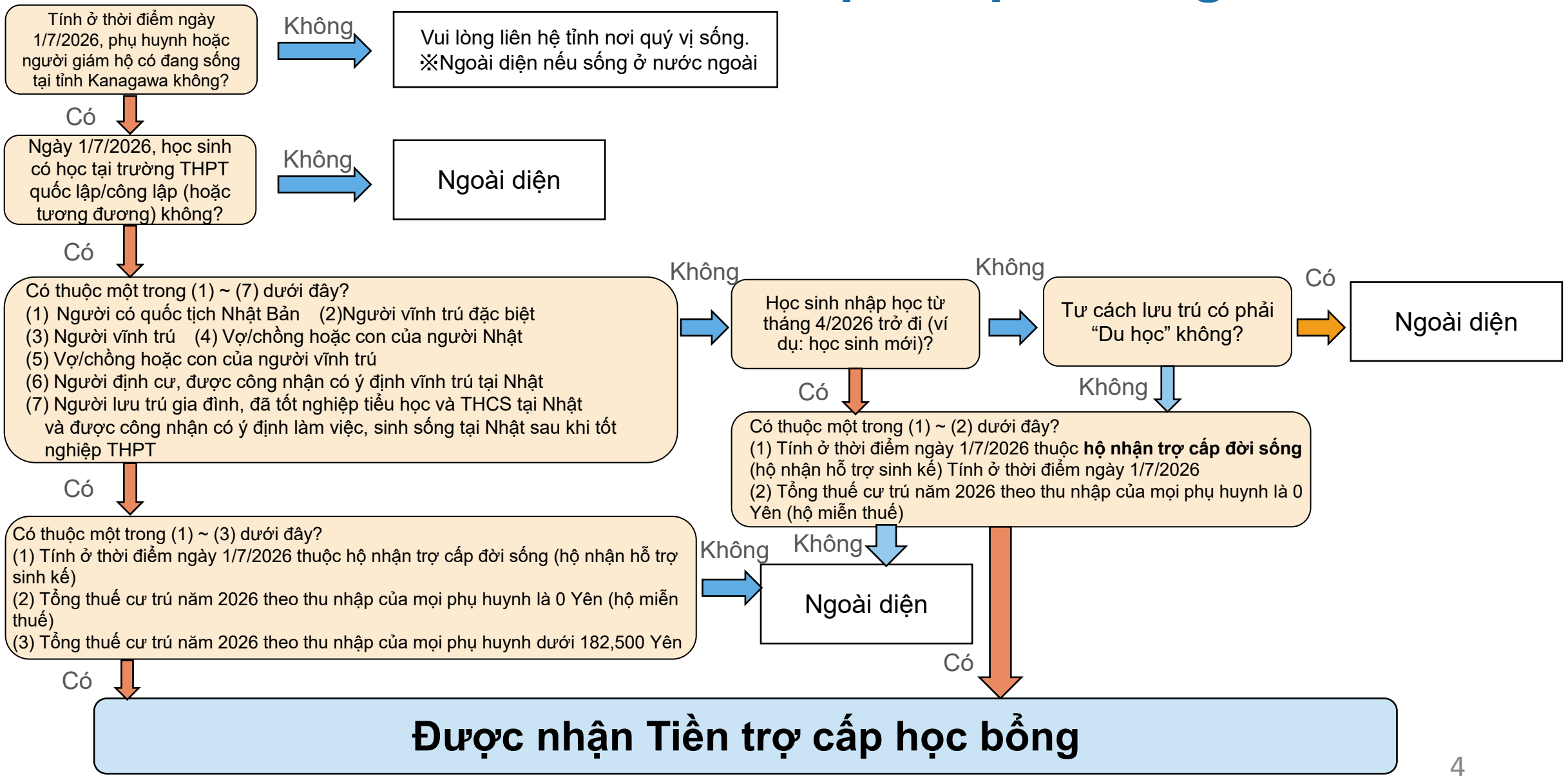
(3) Tính ở thời điểm ngày 1/7/2026, học sinh đang học tại trường THPT (hoặc trường tương đương).

・“Học sinh” là học sinh có thể nhận Tiền hỗ trợ học phí THPT, Tiền hỗ trợ học tập mới cho học sinh THPT, hoặc Tiền hỗ trợ học lại.

・“Trường THPT (hoặc tương đương)” gồm: trường THPT (trừ khóa đặc biệt), trường trung học liên cấp (giai đoạn sau), trường cao đẳng kỹ thuật (năm 1~3), trường chuyên môn và các loại trường khác có khóa học tương đương THPT (trừ cấp THPT của trường giáo dục đặc biệt).

(※Ngoài ra còn có điều kiện về quốc tịch, tư cách lưu trú v.v..)

2-1 Kiểm tra có được nhận không



3　Số tiền trợ cấp

Loại hộ	Điều kiện	Toàn thời gian Bán thời gian	Từ xa
①Hộ nhận trợ cấp đời sống	Đang nhận hỗ trợ sinh kế tính ở thời điểm ngày 1/7	¥32,300	
②Hộ miễn thuế cư trú	Tổng thuế cư trú theo thu nhập của tất cả phụ huynh là 0 Yên (loại trừ ①)	¥143,700	¥50,500
③Hộ có thu nhập năm khoảng 2.7~ 3.8 triệu Yên	Tổng thuế cư trú theo thu nhập của tất cả phụ huynh dưới 105,500 Yên (loại trừ ① ②)	¥47,900	¥16,830
④Hộ có thu nhập khoảng 3.8~ 4.9 triệu Yên	Tổng thuế cư trú theo thu nhập của tất cả phụ huynh dưới 182,500 Yên (trừ ①~③)	¥35,930	¥12,630

- Không được nhận nếu được miễn thuế chỉ vì sống ở nước ngoài (không có địa chỉ tại Nhật).
- Không được nhận nếu học sinh sống tại cơ sở phúc lợi trẻ em (trừ cơ sở hỗ trợ mẹ và con) hoặc được nuôi dưỡng bởi cha mẹ nuôi, và được công quỹ trả phí tham quan học tập hoặc phí nuôi dưỡng đặc biệt.

4　Thời hạn và cách nộp đơn

＜Thời gian nộp đơn＞

Thứ Ba, ngày 25/8/2026 – Thứ Ba, ngày 15/12/2026

＜Nơi nộp＞

Văn phòng của trường mà học sinh đang học (hoặc đã học) vào ngày 1/7/2026

・Kể cả khi học sinh đã nghỉ học hoặc chuyển trường từ ngày 2/7 trở đi, hãy nộp đơn cho trường học sinh theo học vào ngày 1/7.

・Hồ sơ sẽ được kiểm tra, vì vậy vui lòng nộp sớm.

※ Học sinh đang học (hoặc đã học) tại trường THPT tỉnh lập Kanagawa, về nguyên tắc, hãy nộp đơn qua hệ thống trực tuyến (e-kanagawa).

・Nếu không thể hoặc rất khó nộp trực tuyến, quý vị cũng có thể nộp đơn đăng ký bằng giấy, hãy báo cho nhân viên nhà trường.

・Cách nộp đơn trực tuyến có trên trang web của Phòng Tài chính (https://www.pref.kanagawa.jp/docs/en7/cnt/f531013/　).

5　Cách thức và thời điểm chi trả

＜Cách chi trả＞

○**Nếu quý vị còn chi phí học tập (không kể học phí) chưa nộp, tiền trợ cấp học bổng sẽ được dùng để trả số tiền chưa nộp**.

・Cần phải có xác nhận của hiệu trưởng nếu không có chi phí học tập (không kể học phí) nào chưa nộp.

○Tiền sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng ghi trong đơn đăng ký.

＜Thời điểm chi trả＞

○Dự kiến **vào khoảng cuối tháng, 2~3 tháng sau** tháng nộp đơn

・Nếu nhiều người nộp đơn cùng lúc, việc chi trả có thể chậm hơn.

6　Hồ sơ cần nộp

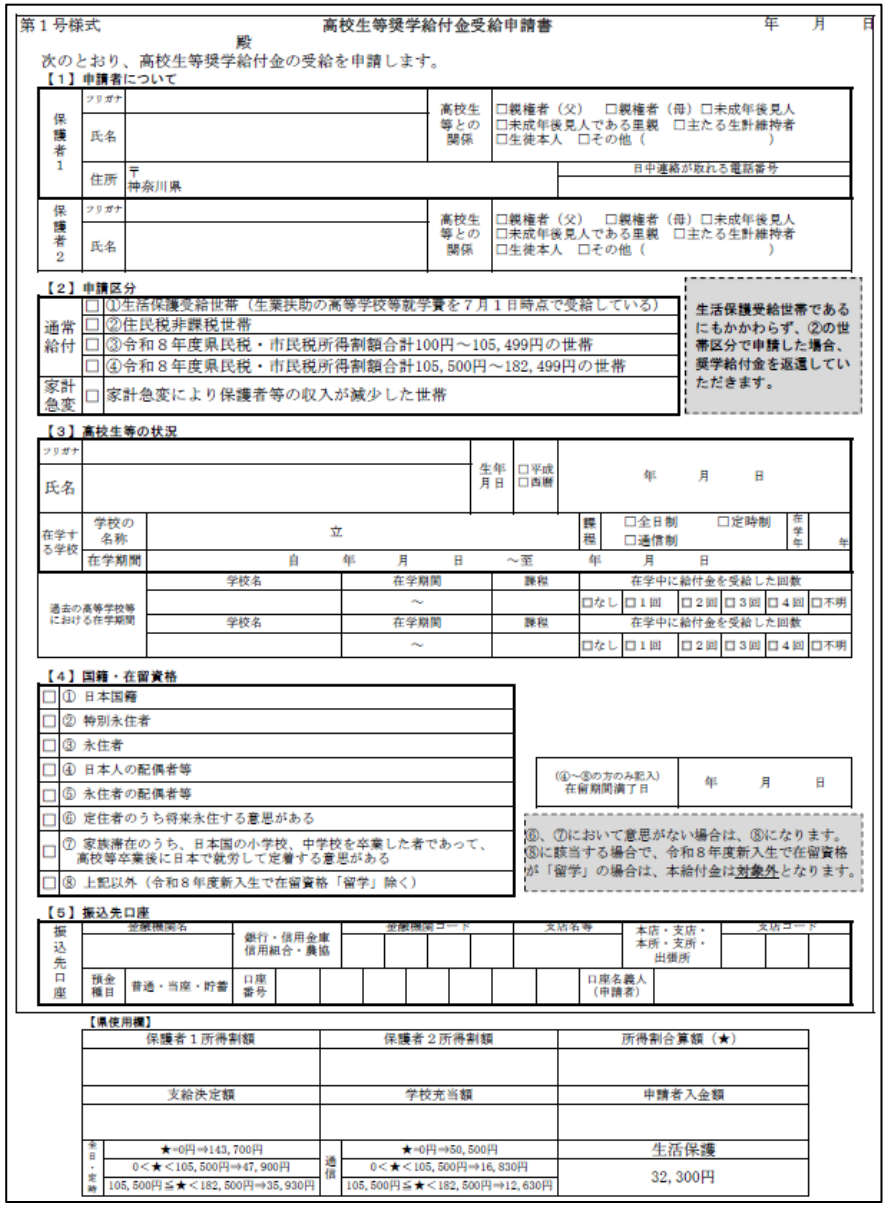
Hãy nộp hồ sơ theo loại đăng ký của quý vị.

Loại đăng ký	Đơn đăng ký	Giấy chứng nhận nhận trợ cấp đời sống	Giấy tờ thuế	Giấy tờ xác nhận quốc tịch	Bản sao sổ ngân hàng v.v..	Giấy ủy quyền
Hộ nhận Trợ cấp đời sống	●	●	-	●	●	▲（※）
Hộ chịu/miễn thuế	●	-	●	●	●	▲（※）
Giải thích chi tiết liên quan giấy tờ nộp	Mặt trước: trang 9 Mặt sau: trang 10	trang 11	trang 12	trang 13	trang 14	trang 15

※　Giấy ủy quyền chỉ cần nếu học sinh ở **trường THPT quốc lập/công lập ngoài trường tỉnh lập Kanagawa** và **còn chưa nộp** chi phí học tập (không kể học phí)

- Với trường THPT tỉnh lập, về nguyên tắc, hãy nộp đơn qua hệ thống trực tuyến (e-kanagawa).
  Hãy đính kèm dữ kiệu ảnh chụp tất cả các giấy tờ (trừ đơn đăng ký) lên hệ thống trực tuyến để đăng ký.

6-1-1　Đơn đăng ký (mặt trước) (mọi người đều nộp)



第１号様式　高校生等奨学給付金受給申請書　年　月　日

殿

次のとおり、高校生等奨学給付金の受給を申請します。

【１】申請者について

保護者１	フリガナ / 氏名		高校生等との関係	□親権者（父）□親権者（母）□未成年後見人 □未成年後見人である里親 □主たる生計維持者 □生徒本人 □その他（　）
	住所	〒 神奈川県	日中連絡が取れる電話番号	
保護者２	フリガナ / 氏名		高校生等との関係	□親権者（父）□親権者（母）□未成年後見人 □未成年後見人である里親 □主たる生計維持者 □生徒本人 □その他（　）

【２】申請区分

通常給付	□①生活保護受給世帯（生業扶助の高等学校等就学費を７月１日時点で受給している）
	□②住民税非課税世帯
	□③令和８年度県民税・市民税所得割額合計100円～105,499円の世帯
	□④令和８年度県民税・市民税所得割額合計105,500円～182,499円の世帯
家計急変	□家計急変により保護者等の収入が減少した世帯

生活保護受給世帯であるにもかかわらず、②の世帯区分で申請した場合、奨学給付金を返還していただきます。

【３】高校生等の状況

フリガナ / 氏名		生年月日	□平成 □西暦	年　月　日
在学する学校	学校の名称	立	課程	□全日制 □定時制 □通信制
	在学期間	自　年　月　日　～至　年　月　日	在学年	年

過去の高等学校等における在学期間

学校名	在学期間	課程	在学中に給付金を受給した回数
	～		□なし □１回 □２回 □３回 □４回 □不明
学校名	在学期間	課程	在学中に給付金を受給した回数
	～		□なし □１回 □２回 □３回 □４回 □不明

【４】国籍・在留資格

□	① 日本国籍
□	② 特別永住者
□	③ 永住者
□	④ 日本人の配偶者等
□	⑤ 永住者の配偶者等
□	⑥ 定住者のうち将来永住する意思がある
□	⑦ 家族滞在のうち、日本国の小学校、中学校を卒業した者であって、高校等卒業後に日本で就労して定着する意思がある
□	⑧ 上記以外（令和８年度新入生で在留資格「留学」除く）

（④～⑧の方のみ記入）在留期間満了日　年　月　日

⑥、⑦において意思がない場合は、⑧になります。⑧に該当する場合で、令和８年度新入生で在留資格が「留学」の場合は、本給付金は対象外となります。

【５】振込先口座

振込先口座	金融機関名		銀行・信用金庫 信用組合・農協	金融機関コード		支店名等	本店・支店・本所・支所・出張所 / 支店コード
	預金種目	普通・当座・貯蓄	口座番号			口座名義人（申請者）	

【県使用欄】

保護者１所得割額	保護者２所得割額	所得割合算額（★）
支給決定額	学校充当額	申請者入金額
全日・定時 ★=0円⇒143,700円	通信 ★=0円⇒50,500円	生活保護
全日・定時 0＜★＜105,500円⇒47,900円	通信 0＜★＜105,500円⇒16,830円	32,300円
全日・定時 105,500円≦★＜182,500円⇒35,930円	通信 105,500円≦★＜182,500円⇒12,630円	

【1】Về người đăng ký

・Ghi tên, địa chỉ của phụ huynh hoặc người giám hộ và mối quan hệ với học sinh.

【2】Loại đăng ký

・Đánh dấu (☑) vào loại hộ đăng ký của quý vị.

【3】Về tình trạng học sinh THPT hoặc tương đương

・Ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, trường đăng theo học v.v.. của học sinh THPT hoặc tương đương nằm trong đối tượng đăng ký.

【4】Quốc tịch / tư cách lưu trú

・Đánh dấu (☑) vào quốc tịch・ tư cách lưu trú của học sinh THPT.

・Nếu thuộc ④~ ⑧, hãy ghi cả “ngày hết hạn lưu trú” ở bên phải.

【5】Tài khoản nhận chuyển khoản

・Ghi thông tin tài khoản ngân hàng quý vị muốn nhận Tiền trợ cấp học bổng.

6-1-2　Đơn đăng ký (mặt sau) (mọi người đều nộp)



【6】申請書とともに提出する書類。
○生業扶助を受けていることがわかる書類もしくは課税状況がわかる書類について

所得状況	提出書類	備考
□ 生活保護世帯	生活保護受給証明書	福祉事務所が７月１日以降に発行した生活保護受給証明書
□ 生活保護世帯以外	次の者の（非）課税証明書等	
	□ ①親権者（両親）２名	生徒が未成年（18歳未満）で、親権者が２人存在する場合 ※単身赴任の場合も２名分必要
	□ ②親権者１名	離婚、死別等により親権者が１名の場合 親権者は２名いるが、ＤＶや養育放棄、失踪等の事情によりやむを得ず、一方の親権者分を提出できない場合　等
	□ ③未成年後見人	親権者が存在せず、未成年後見人が選任されている場合 ※複数人選任されている場合は全員分
	□ ④主たる生計維持者２名	生徒が在学中に成人した場合で、成人直前の未成年の時点から申請の時点まで生計を維持する者に変更がない場合
	□ ⑤主たる生計維持者１名	生徒が未成年だが、親権者又は未成年後見人が存在しない場合 入学時点で生徒が成人であったが、主たる生計維持者が存在する場合 生徒が成人であり、未成年の時点で親権者が１人だった場合 生徒が成人であり、未成年の時点で親権者又は未成年後見人が存在しなかった場合 等
	□ ⑥生徒本人	親権者、未成年後見人又は主たる生計維持者のいずれも存在しない場合であり、成人に達している場合　等

次の理由により、上表の書類を提出しません。

□ 所得確認の対象が生徒本人（親権者、未成年後見人又は主たる生計維持者のいずれも存在しない場合）であるが、未成年で道府県民税所得割・市町村民税所得割が課されるだけの収入を得ていないため

○国籍・在留資格等が確認できる書類について

国籍/在留資格	提出書類		備考
□ 日本国籍	住民票の写し（原本）		
□ 特別永住者	・特別永住者証明書の写し ・住民票の写し（原本）	のいずれか	・特別永住者証明書をコピーしたもの ・住民票の写しは国籍・在留資格等の記載があるもの
□ 永住者 □ 日本人の配偶者 □ 永住者の配偶者 □ 定住者 □ 留学（新入生除く）	・在留カードの写し ・住民票の写し（原本）	のいずれか	・在留カードはコピーしたもの ・住民票の写しは国籍・在留資格・在留期間等の記載があるもの ※永住者については、住民票の写しに在留期間の記載は不要です。 ※定住者は、将来永住する意思がある者が対象です。
□ 家族滞在	・在留カードの写し ・住民票の写し（原本） 及び、以下のいずれか一つ 日本の小学校及び中学校の ・卒業証書の写し ・卒業証明書の原本	のいずれか のいずれか	・在留カードはコピーしたもの ・住民票の写しは国籍・在留資格・在留期間等の記載があるもの ※小学校、中学校とは、特別支援学校（小・中）又は義務教育学校の前後期及び中等教育学校の前期課程も含みます。 ※高校等卒業後、日本で就労して在留する意思がある者が対象です。

次の事項に同意する場合は、□にチェックを付けてください。

□ 高校生等就学支援金等の申請で提出した課税証明書や在留カードの写し等を使用して高校生等奨学給付金の支給審査をすることに同意します。

【7】誓約・委任

次のことを確認し、誓約（委任）します。　　申請者氏名

・申請書の記載内容は事実に相違ありません。また、この申請書に虚偽の記載があった場合は、神奈川県教育委員会の求めに従いその全額を即時返還します。
・**神奈川県以外の都道府県に高校生等奨学給付金の申請は行っておりません。**
・この申請の対象となる高校生等は、７月１日時点※、児童福祉法による児童入所施設措置費等（見学旅行費又は特別育成費（母子生活支援施設の高校生等を除く。））の支弁対象ではありません。※家計急変申請は事由発生日の属する翌月の初日
・**（非課税世帯のみ）７月１日時点で生活保護（生業扶助（高等学校等就学費））を受けていません。**
・**（申請者が主たる生計維持者の場合のみ）**私と高校生等本人は、健康保険法等における扶養者と被扶養者の関係と同等の関係にあります。
・授業料以外に学校へ納付する納付金等に未済があるときは、私が支給を受ける高校生等奨学給付金をその未済に充てることについて学校長に委任します。
（注）神奈川県立学校以外の学校では、上記の下線部を次のように変更して使用。

【学校使用欄】

学校受付印

次のことについて確認しました。

・□　　年７月１日現在、　本校の（□全日制 □定時制 □通信制）課程に在学します。

・（□就学支援金 □学び直し支援金）の受給資格を有する（補助要件を満たす）者です。

・納付金等について、（□未済なし / □未済あり（　　円）

学校の名称　　学校長の氏名　　職印

学校の電話番号

【6】Giấy tờ nộp kèm với đơn đăng ký

○Về giấy tờ có thể xác nhận quý vị đang nhận hỗ trợ sinh kế, hoặc cho thấy tình trạng thuế

・Đánh dấu (☑) vào mục ứng với tình trạng thu nhập.

・Đọc phần ghi chú, rồi đánh dấu (☑) vào giấy tờ quý vị sẽ nộp.

○Về giấy tờ có thể xác nhận quốc tịch / tư cách lưu trú

・Đánh dấu (☑) vào quốc tịch / tư cách lưu trú phù hợp.

【Về dùng chung giấy tờ với Tiền hỗ trợ học phí】

・Đánh dấu ☑ nếu đồng ý dùng giấy tờ đã nộp cho Tiền hỗ trợ học phí THPT.

【7】Cam kết và ủy quyền

・Nếu đồng ý, hãy ghi họ tên người đăng ký (tên phụ huynh hoặc người giám hộ) để cam kết và ủy quyền.

6-2　Giấy chứng nhận nhận trợ cấp đời sống (chỉ nộp nếu thuộc diện này)

○Một trong các giấy chứng nhận sau, cho thấy vào thời điểm **ngày 1/7/2026** quý vị đang nhận **hỗ trợ sinh kế (chi phí đi học THPT)**

① Giấy chứng nhận nhận hỗ trợ sinh kế (chi phí đi học THPT) (Mẫu số 2)

※　Lấy mẫu đơn tại trường hoặc trên trang web của tỉnh, rồi xin chứng nhận tại Văn phòng Phúc lợi.

② Giấy chứng nhận nhận trợ cấp đời sống do Văn phòng Phúc lợi cấp, cho thấy việc nhận hỗ trợ sinh kế (chi phí đi học THPT)

6-3　Giấy chứng nhận thuế v.v.. (chỉ nộp nếu thuộc diện này)

○Một trong các giấy tờ sau, có thể xác nhận được tổng thuế thu nhập cấp thành phố và cấp tỉnh của năm tài chính 2026 (tất cả **phụ huynh/người giám hộ phải nộp**)

① Giấy chứng nhận chịu thuế (miễn thuế) thuế thị dân, thuế tỉnh dân năm tài chính 2026

※Xin cấp tại quầy tiếp nhận giấy tờ của thành phố, quận, thị trấn hoặc làng v.v..

② Giấy thông báo số tiền thu thuế thị dân, thuế tỉnh dân đặc biệt năm tài chính 2026

※Nhân viên công ty, công chức nhà nước v.v.. nhận giấy thông báo này từ nơi làm việc vào khoảng tháng 6.

③ Thông báo nộp thuế cư trú năm tài chính 2026 từ thành phố, thị trấn hoặc làng

※Người tự kinh doanh nhận thông báo này từ thành phố, thị trấn hoặc làng vào khoảng tháng 6.

6-4　Giấy tờ xác nhận quốc tịch (mọi người đều nộp)

Hãy nộp giấy tờ cho thấy quốc tịch và tư cách lưu trú của **học sinh**. ※Không phải của phụ huynh.

Quốc tịch / tư cách lưu trú	Giấy tờ cần nộp	Ghi chú
Quốc tịch Nhật Bản	Bản sao Giấy chứng nhận cư trú (bản gốc; không nhận bản photo)	・Nộp Giấy chứng nhận cư trú cấp từ ngày 1/1/2026 trở đi
Người vĩnh trú đặc biệt	・Bản sao Giấy chứng nhận Vĩnh trú đặc biệt, hoặc ・Bản sao Giấy chứng nhận cư trú (bản gốc) ※Phải có ghi quốc tịch, tư cách, thời hạn lưu trú v.v..	・Nộp Giấy chứng nhận cư trú cấp từ ngày 1/1/2026 trở đi
Vĩnh trú Vợ/chồng hoặc con của người Nhật Vợ/chồng hoặc con của người vĩnh trú Người định cư Du học (trừ học sinh mới nhập học)	・Bản sao Thẻ lưu trú, hoặc ・Bản sao Giấy chứng nhận cư trú (bản gốc) ※Phải có ghi quốc tịch, tư cách, thời hạn lưu trú v.v..	・Nộp Giấy chứng nhận cư trú cấp từ ngày 1/1/2026 trở đi ・Định cư: chỉ người được công nhận có ý định vĩnh trú tại Nhật
Lưu trú gia đình	・Bản sao Thẻ lưu trú, hoặc ・Bản sao Giấy chứng nhận cư trú (bản gốc) ※Phải có ghi quốc tịch, tư cách, thời hạn lưu trú v.v.. Như trên, và một trong các giấy tờ sau của trường tiểu học/THCS Nhật Bản: ・Bản sao văn bằng tốt nghiệp, hoặc ・Giấy chứng nhận tốt nghiệp tiểu học/ THCS	・Nộp Giấy chứng nhận cư trú cấp từ ngày 1/1/2026 trở đi ・“Tiểu học/THCS” gồm cả trường giáo dục đặc biệt (tiểu học/THCS), trường giáo dục bắt buộc, và giai đoạn đầu của trường trung học liên cấp ・Chỉ người có ý định làm việc và ở lại Nhật sau khi tốt nghiệp THPT

6-5　Bản sao sổ ngân hàng v.v.. (mọi người đều nộp)

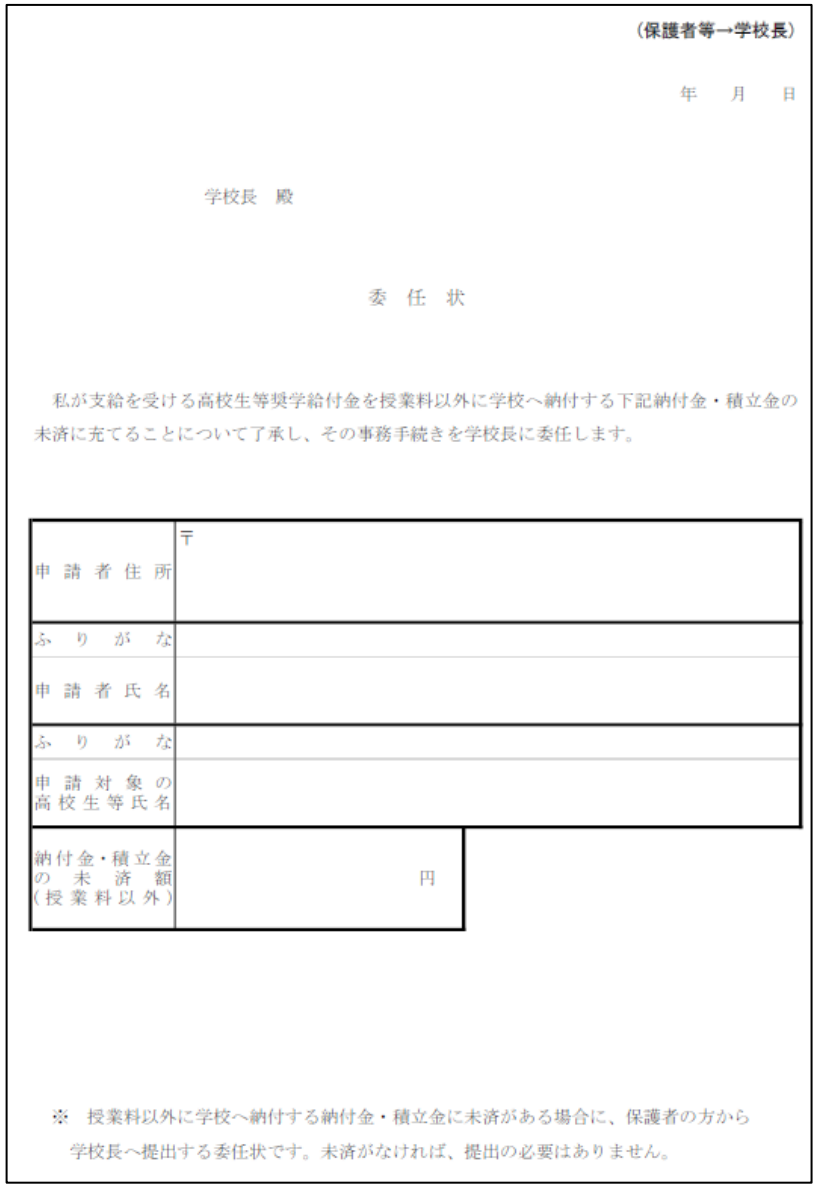
○Giấy tờ như bản sao sổ ngân hàng **có ghi tên chủ tài khoản**

○Hãy chỉ định **tài khoản của chính học sinh hoặc phụ huynh/người giám hộ**.

※Nếu chọn tài khoản của người khác ngoài học sinh hoặc phụ huynh, hãy nộp giấy ủy quyền.

※Hãy chỉ định tài khoản chắc chắn nhận được tiền.

6-6 Giấy ủy quyền (chỉ cho học sinh tại trường THPT quốc lập/công lập ngoài trường tỉnh lập Kanagawa)



（保護者等→学校長）

年　月　日

学校長　殿

委　任　状

私が支給を受ける高校生等奨学給付金を授業料以外に学校へ納付する下記納付金・積立金の未済に充てることについて了承し、その事務手続きを学校長に委任します。

申請者住所	〒
ふりがな	
申請者氏名	
ふりがな	
申請対象の高校生等氏名	
納付金・積立金の未済額（授業料以外）	円

※　授業料以外に学校へ納付する納付金・積立金に未済がある場合に、保護者の方から学校長へ提出する委任状です。未済がなければ、提出の必要はありません。

○Nộp giấy ủy quyền nếu:

- **học sinh học tại trường THPT quốc lập/công lập ngoài trường tỉnh lập Kanagawa**, và
- học sinh **còn chưa nộp** chi phí học tập ngoài học phí.

  Cần phải nộp **cho trường**.

○Học sinh THPT hoặc tương đương tại trường tỉnh lập Kanagawa không cần nộp.

○Ghi địa chỉ và họ tên người đăng ký (phụ huynh/người giám hộ), họ tên học sinh thuộc đối tượng đăng ký, và số tiền của chi phí học tập ngoài học phí chưa nộp.

7　Các khoản khác

- **Về khoản trợ cấp thêm nếu đồng phục bị mất hoặc hư hỏng do thiên tai**

Nếu hộ của quý vị là hộ nhận Tiền trợ cấp học bổng, có trường hợp sẽ được trả thêm nếu đồng phục bắt buộc của trường bị mất hoặc hư hỏng do thiên tai v.v.. và phải mua lại.

Để biết chi tiết, hãy liên hệ trường của học sinh hoặc Phòng Tài chính thuộc Ủy ban Giáo dục tỉnh Kanagawa.

8 Liên hệ

- Thông tin chi tiết và đơn đăng ký có trên trang web của tỉnh hoặc tại văn phòng trường.
- **Trang web của tỉnh: https://www.pref.kanagawa.jp/docs/en7/cnt/f531013/**
- **Liên hệ: Văn phòng trường THPT của học sinh hoặc**

  Ủy ban Giáo dục tỉnh Kanagawa,
  Phòng Tài chính, Nhóm Học bổng THPT

  Điện thoại: 045-210-8251 (số trực tiếp)